

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30/06/2025	20,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	109.0	104.9	67.2%

DT thuần Q2/25
50.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.1 790%
YoY: ▼3.20 -5.9%

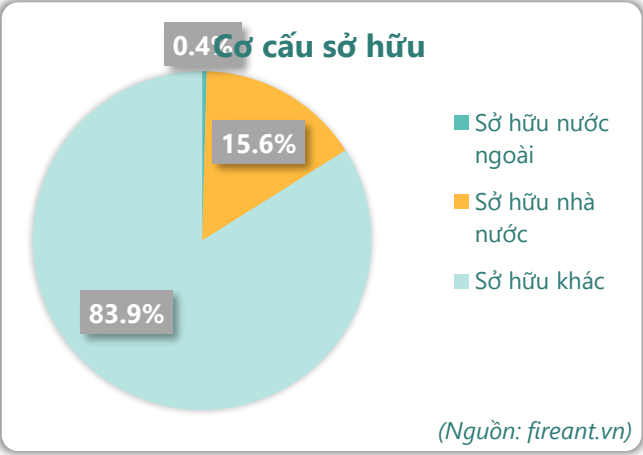
LN thuần Q2/25
0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.53 117%
YoY: ▼0.70 -75.9%

LN sau thuế Q2/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.43 114%
YoY: ▼0.42 -71.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
1.2%
YoY: +/-▲ 17.3%

ROE (TTM) Q2/25
-1.0%
YoY: +/-▼ 0.6%

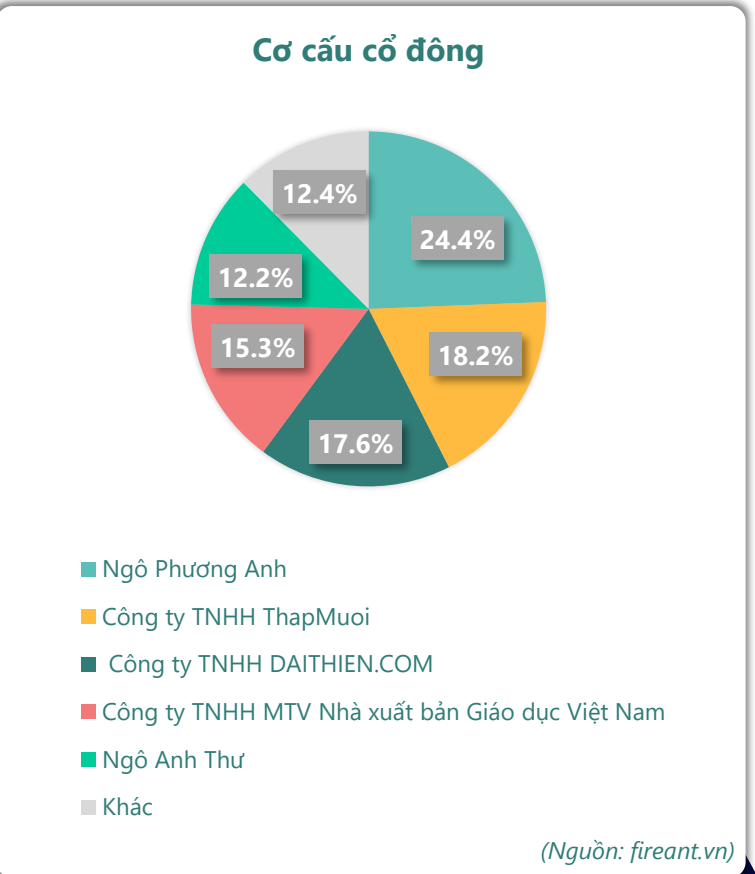
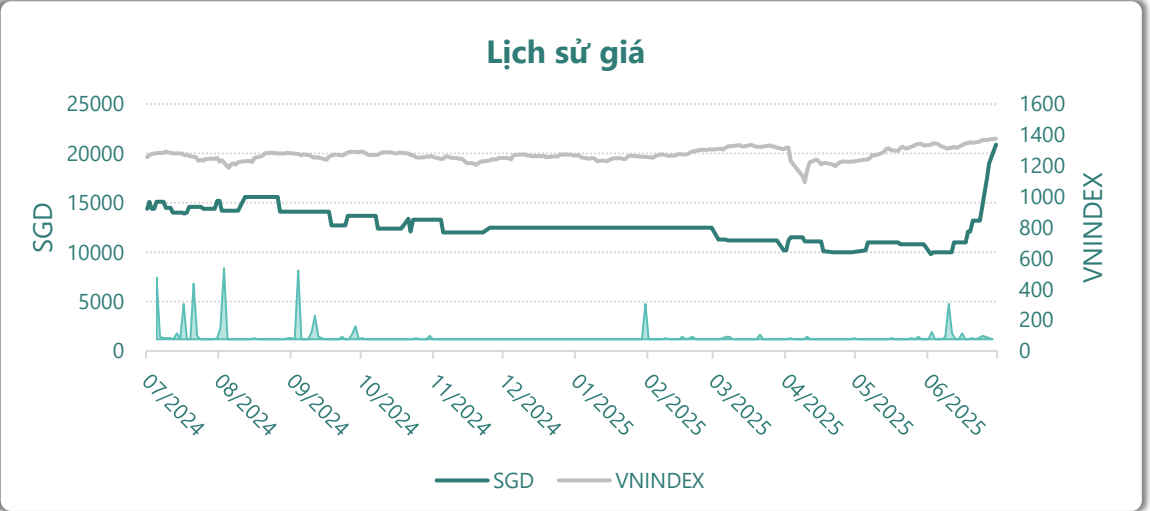
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,800 - 20,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	4,043,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	765
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.08
EPS	-148
P/E	-141.0



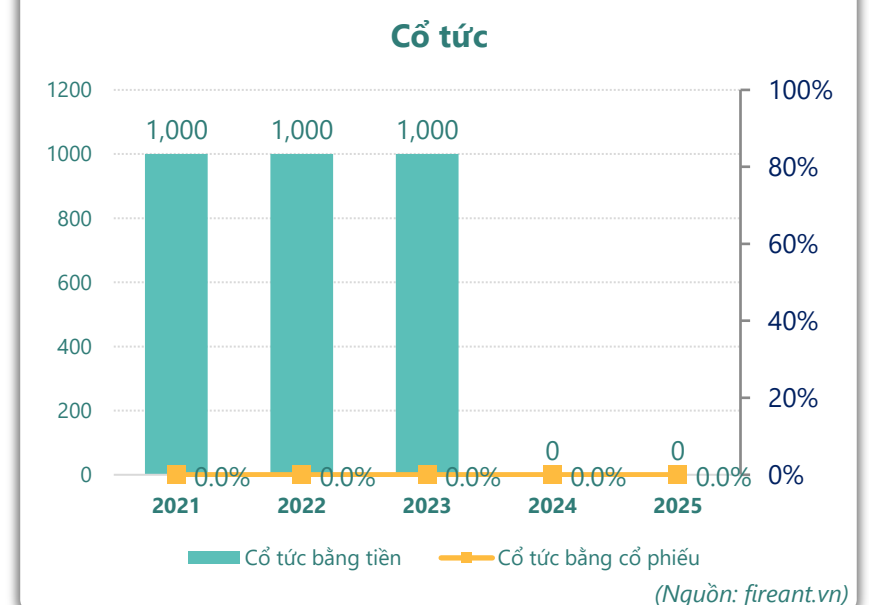
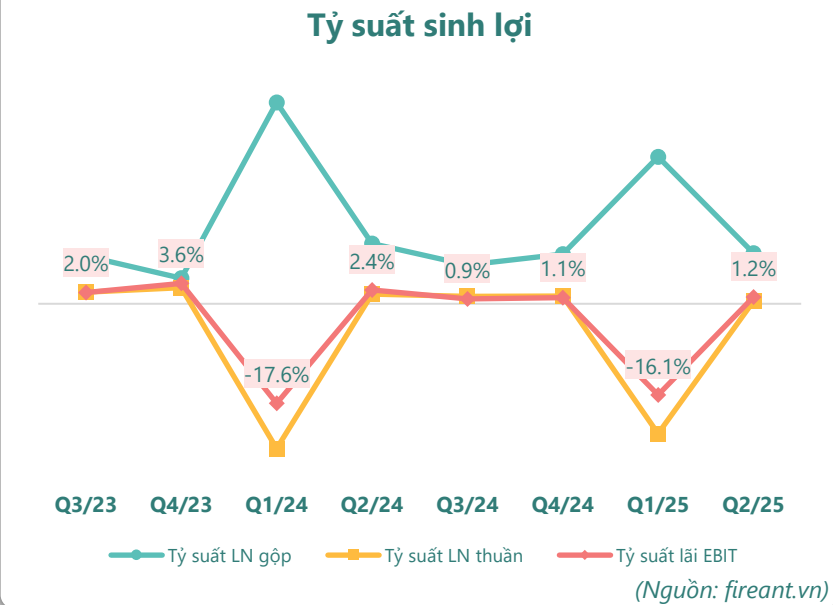
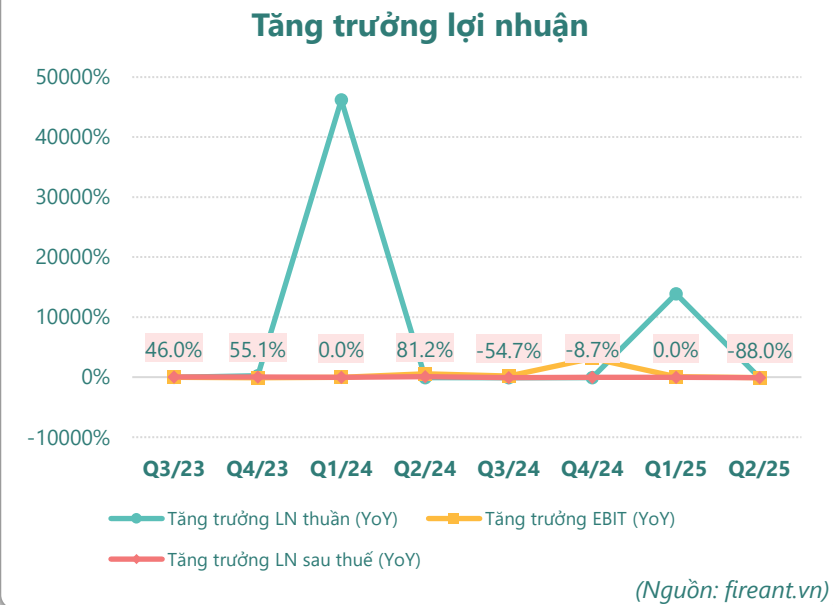
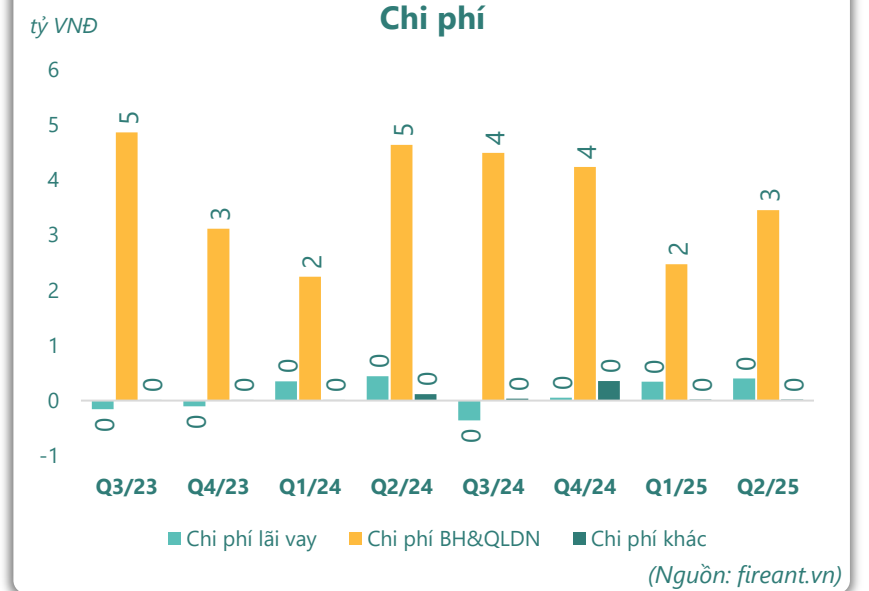
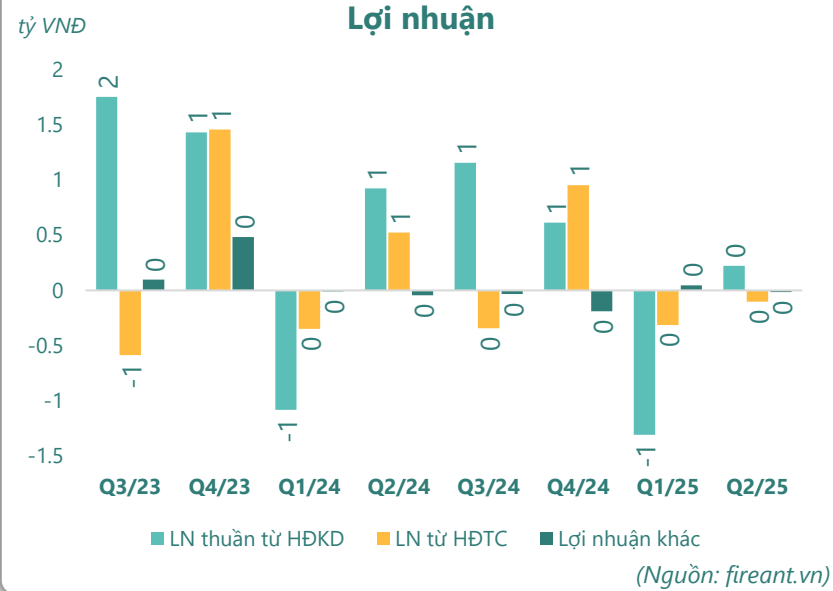
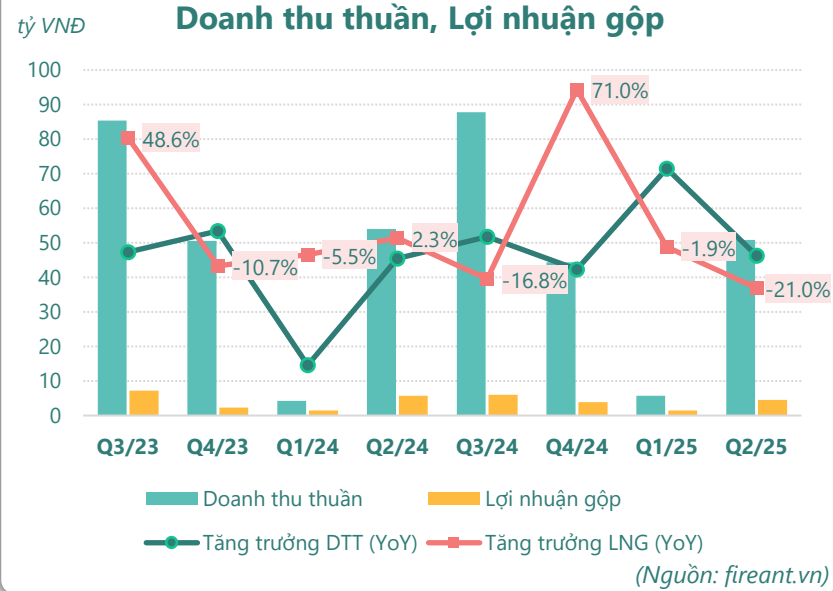
DT thuần 6T 2025
56.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.70 -2.9%

LN thuần 6T 2025
-1.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.93 -578%

LN sau thuế 6T 2025
-1.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.58 -116%



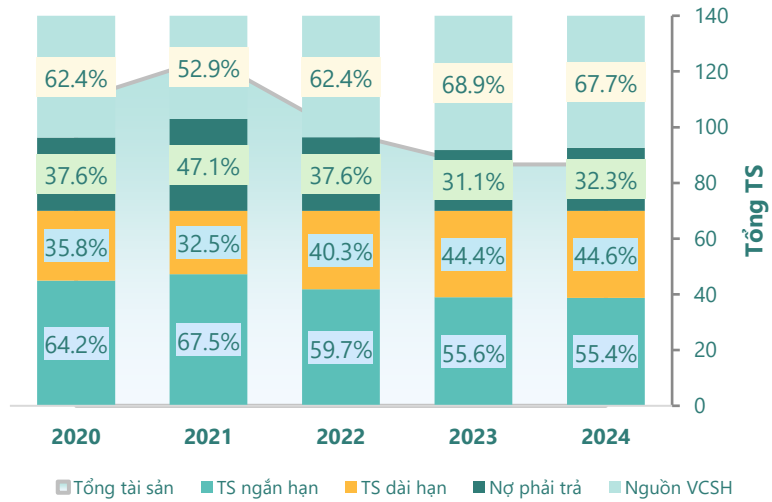
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

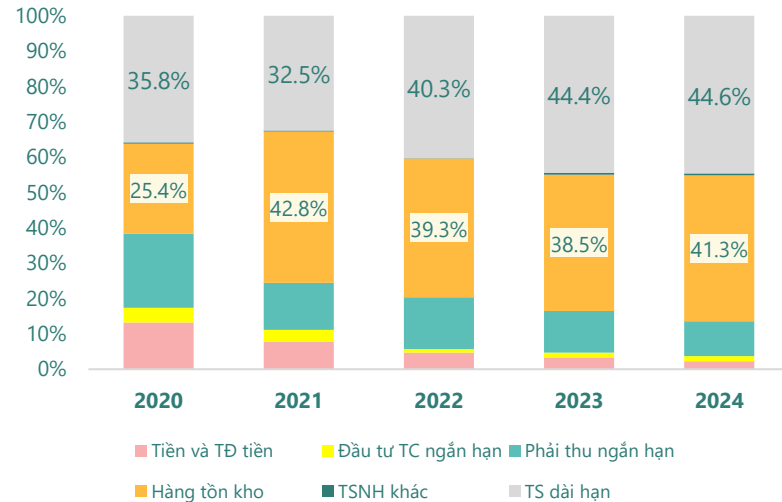
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

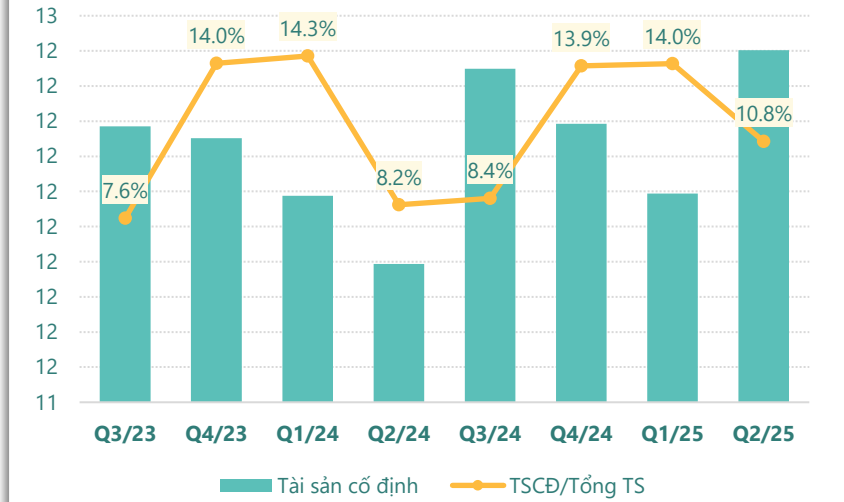
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

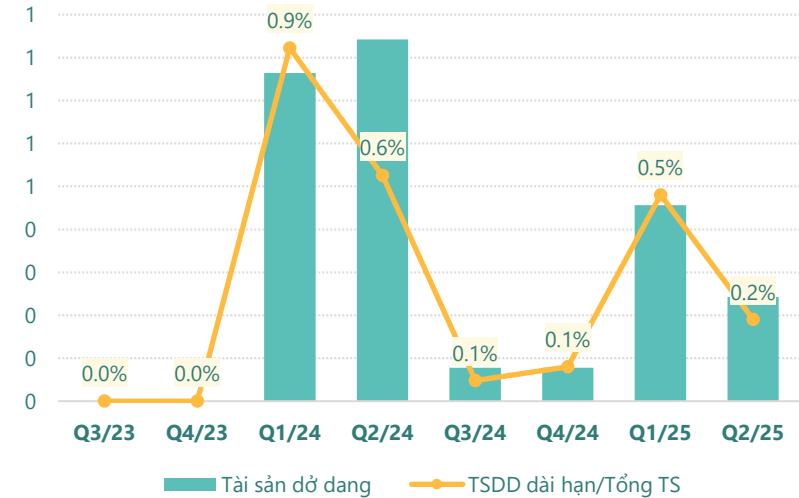
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

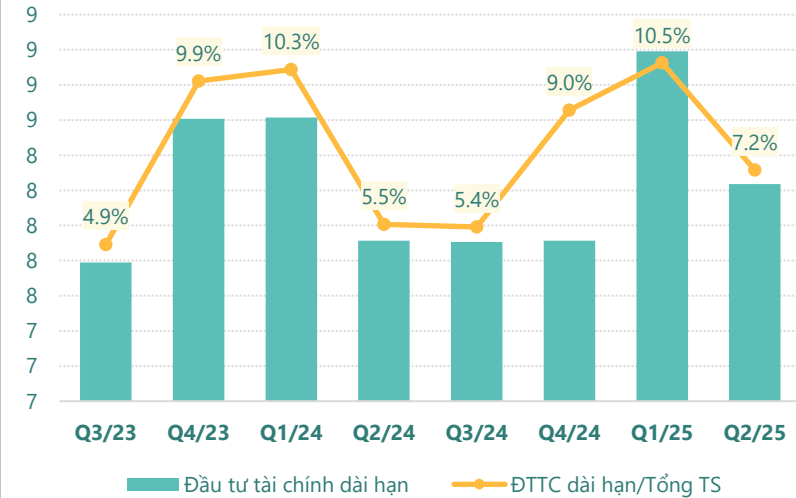
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

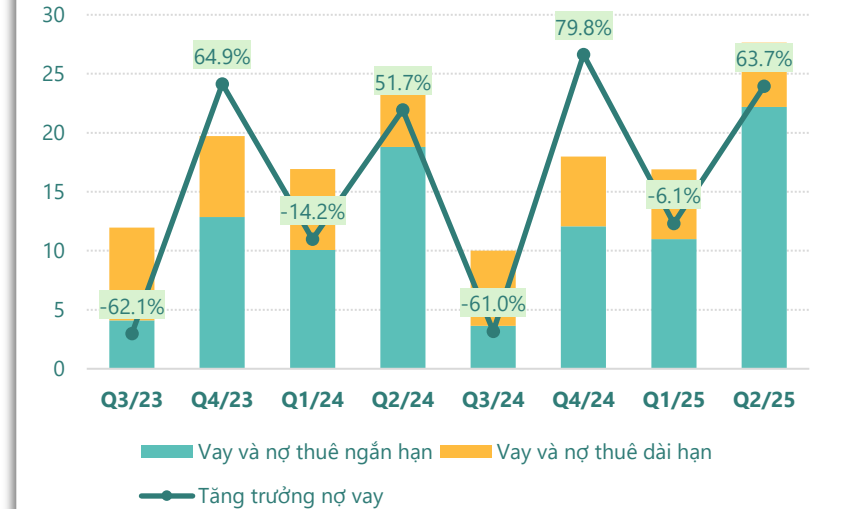
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

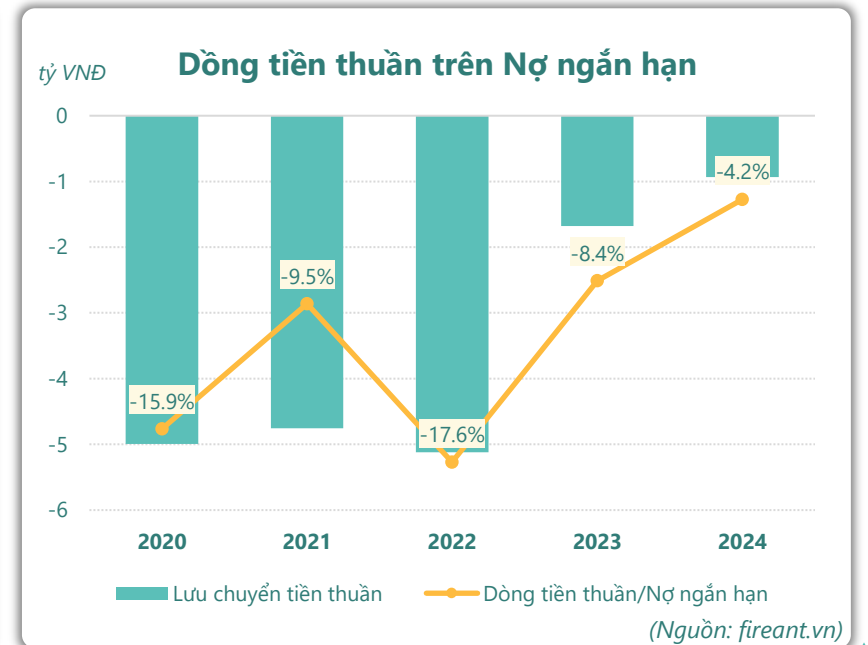
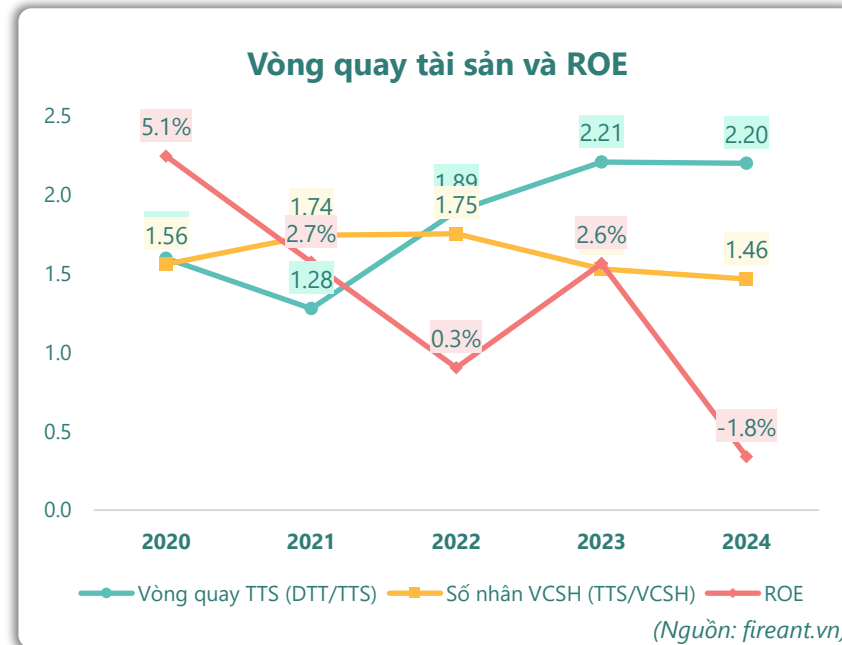
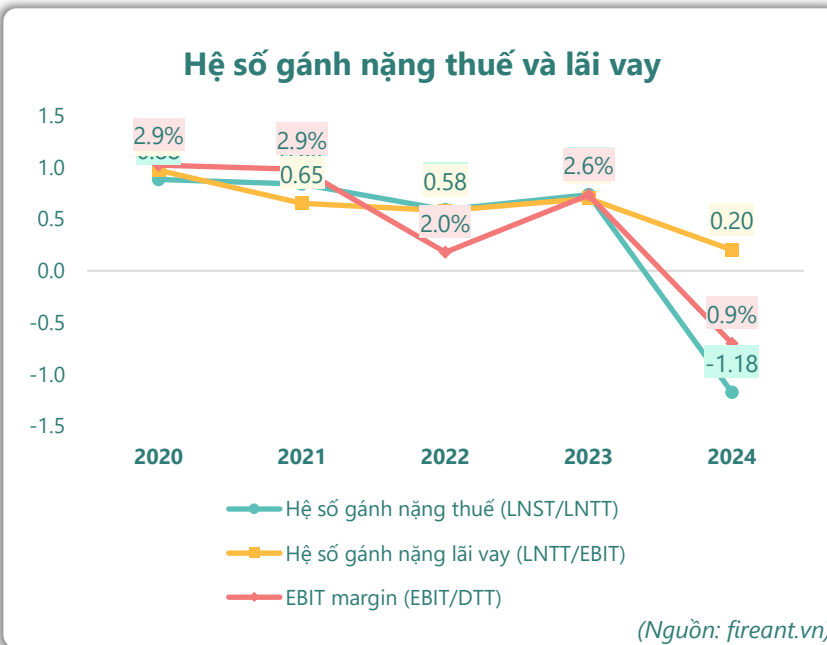
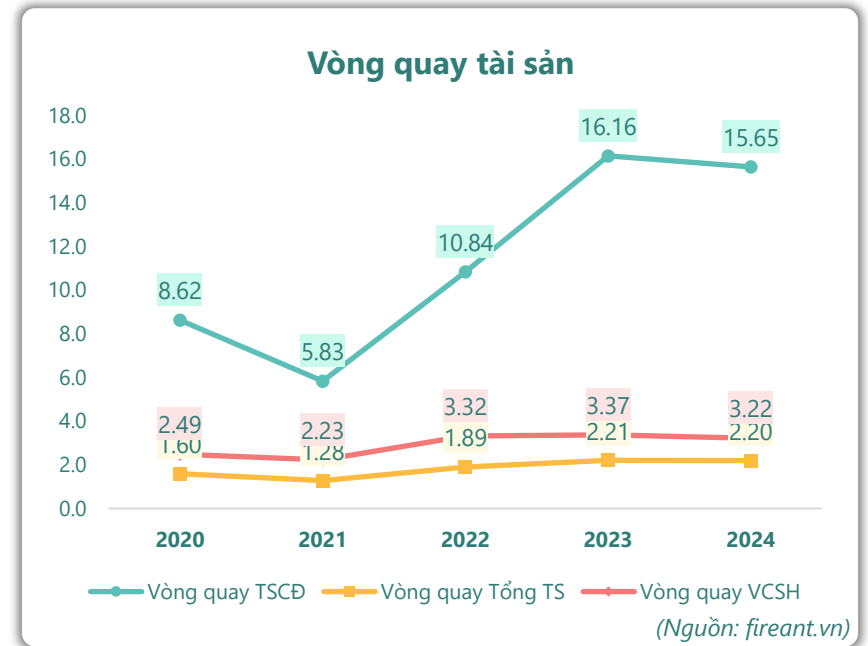
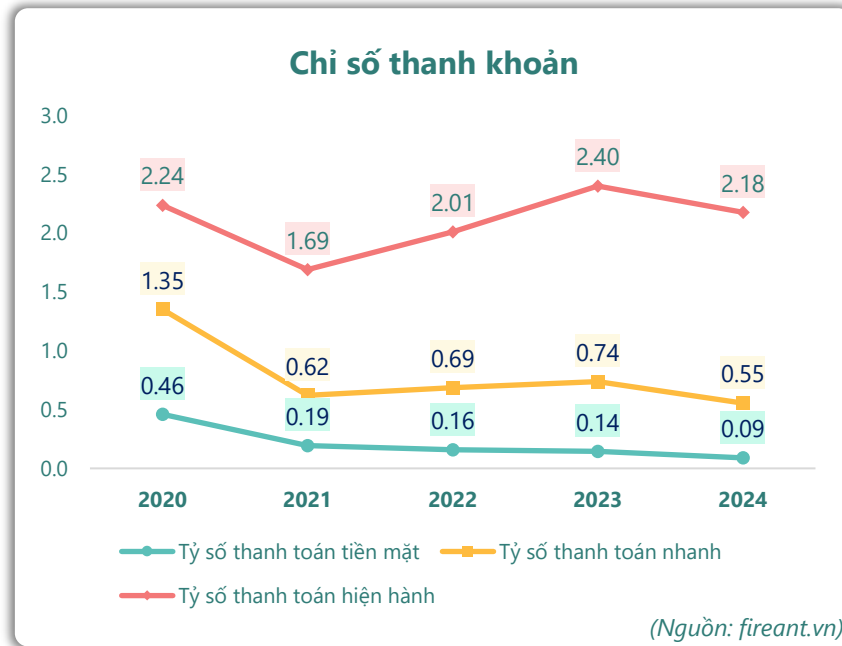
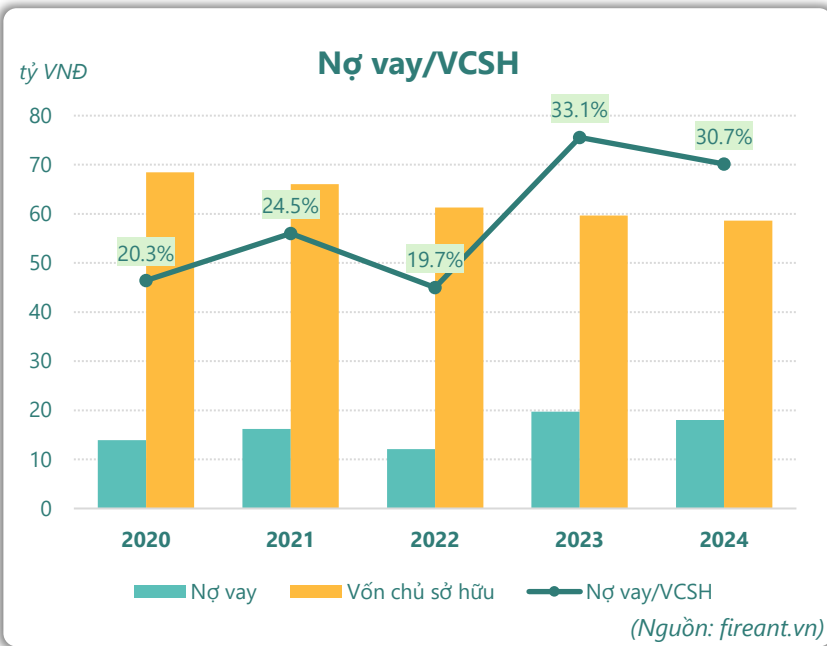
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	50.8	54.0	-5.9%	56.5	58.2	-2.9%
Giá vốn hàng bán	46.3	48.2	-4.0%	50.5	51.0	-0.9%
Lợi nhuận gộp	4.54	5.74	-20.9%	6.02	7.25	-17.0%
Doanh thu HĐTC	0.49	0.76	-35.6%	0.52	0.76	-31.4%
Chi phí TC	0.59	0.23	157%	0.94	0.58	60.9%
Chi phí lãi vay	0.40	0.44	-9.4%	0.74	0.79	-5.8%
LN trong công ty LKLD	-0.75	-0.70	-7.8%	-0.75	-0.70	-7.8%
Chi phí bán hàng	2.15	2.54	-15.2%	3.49	3.55	-1.7%
Chi phí QLDN	1.30	2.10	-37.9%	2.44	3.33	-26.8%
LN thuần từ HĐKD	0.22	0.92	-75.9%	-1.09	-0.16	-578%
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.04	61.2%	0.03	-0.05	156%
LN trước thuế	0.21	0.88	-76.6%	-1.06	-0.22	-391%
Lợi nhuận sau thuế	0.17	0.59	-71.0%	-1.09	-0.51	-116%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.19	0.16	-219%	-1.10	-0.63	-74.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.78	-3.55	29.0	-26.0	0.85	-13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.95	1.21	-0.06	0.72	2.05	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.79	8.74	-13.6	4.56	-1.90	10.6
Tiền đầu kỳ	2.91	0.95	7.35	22.7	1.97	2.98
Lưu chuyển tiền thuần	-1.96	6.40	15.4	-20.7	1.01	-3.16
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.95	7.35	22.7	1.97	2.98	1.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	115	86.6	32.6%
Tài sản ngắn hạn	77.0	48.0	60.3%
Tiền và tương đương tiền	1.13	1.97	-42.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.07	1.21	235%
Phải thu ngắn hạn	14.2	8.55	66.2%
Hàng tồn kho	56.9	35.8	58.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.49	38.1%
Tài sản dài hạn	37.9	38.6	-1.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.4	12.2	1.8%
Bất động sản đầu tư	11.2	11.4	-1.4%
Tài sản dở dang	0.24	0.08	212%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.24	8.99	-8.4%
Tài sản dài hạn khác	5.70	5.86	-2.6%
Lợi thế thương mại	0.08	0.15	-43.8%
Nợ phải trả	58.0	28.0	107%
Nợ ngắn hạn	52.5	22.0	138%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.2	12.1	83.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.3	8.08	225%
Nợ dài hạn	5.50	5.95	-7.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.45	5.91	-7.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	56.8	58.6	-3.1%
Vốn chủ sở hữu	56.8	58.6	-3.1%
Vốn điều lệ	41.4	41.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

